

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU NGHỊ QUYẾT SỐ 20/2026/QH16 NGÀY 23/4/2026 CỦA QUỐC HỘI VỀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Nghị quyết số 20/2026/QH16 ngày 23/4/2026 của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (NQ 50), Bộ Chính trị xác định một trong các giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài là: “các cấp chính quyền thực hiện nghiêm pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, không để phát sinh khiếu kiện, tranh chấp quốc tế xảy ra”, “phòng ngừa, giải quyết sớm, có hiệu quả các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài” và “chú trọng nâng cao năng lực và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài ở các bộ, ngành và địa phương phù hợp với những yêu cầu, nhiệm vụ mới về quản lý đầu tư nước ngoài”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó, Bộ Chính trị đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế như: “Hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế, định hình trật tự pháp lý quốc tế; tham gia tích cực vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế.... Xử lý tốt các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế nhằm kịp thời bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ

chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước Việt Nam”, “Thực hiện cơ chế đặc biệt thu hút, xét tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, có kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật, giải quyết tranh chấp quốc tế...”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định: *“Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”.*

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, xác định rõ mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng, của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

- Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa phát sinh tranh chấp, trong đó giao Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành quy định về cơ chế phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; xây dựng cơ chế, chính sách cần thiết, phù hợp để đảm bảo nguồn lực cho công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

- Tại Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật chỉ đạo: *“làm tốt công tác phòng ngừa từ sớm, rà soát các dự án có nguy cơ phát sinh kiện quốc tế để chủ động giải quyết... hạn chế thấp nhất các vụ kiện quốc tế.... Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khẩn trương hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan, xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cơ chế phối hợp giữa Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan; quan tâm đầu tư về nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế”.*

- Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó nhấn mạnh *“... Thành lập các nhóm, tổ công tác liên ngành phù hợp với tình hình thực tế để triển khai các công việc có tính chất đa ngành, đa lĩnh vực. Đẩy*

mạnh công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về các xu hướng lớn trên thế giới, khu vực, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên của đất nước; kịp thời tham mưu, đề xuất chủ trương ký kết, phát huy vai trò dẫn dắt trong việc xây dựng các cam kết quốc tế mới phù hợp với khả năng, điều kiện cụ thể của đất nước; phát hiện, ngăn ngừa và xử lý thỏa đáng từ sớm các vấn đề phát sinh, vướng mắc, khó khăn, khiếu nại liên quan đến việc thực hiện các cam kết quốc tế”.

- Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ quy định rõ một số cơ chế trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Văn bản số 9482/VPCP-PL ngày 03/10/2025 về việc tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp “chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, đề xuất ban hành Nghị quyết của Quốc hội về công tác giải quyết TCĐTQT theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (thay thế Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg nêu trên), trong đó nghiên cứu quy định cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù về nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết TCĐTQT; trình Chính phủ hồ sơ dự án Nghị quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2026. Trong quá trình xây dựng Nghị Quyết của Quốc hội, Bộ Tư pháp cần bám sát ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ và tình hình, kết quả triển khai Đề án về thành lập cơ quan/đơn vị/trung tâm chuyên về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại Việt Nam để đưa ra các đề xuất phù hợp, bảo đảm tính ổn định của Nghị quyết; đồng thời báo cáo cụ thể Thủ tướng Chính phủ về việc này trước ngày 30 tháng 10 năm 2025.”

- Thông báo số 693/TB-VPCP ngày 14/12/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về tổng quan tình hình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và Đề án thành lập Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giao Bộ Tư pháp “xây dựng Nghị Quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó đẩy mạnh công tác phòng ngừa, trách nhiệm của các cơ quan trong giải quyết tranh chấp và các chính sách đặc thù đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan; báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành trong Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI”.

2. Cơ sở thực tiễn

Đầu tư nước ngoài vẫn là trụ cột chiến lược trên toàn cầu, đặc biệt trong giai đoạn hậu COVID-19 khi dòng vốn dịch chuyển mạnh sang công nghệ cao, kinh tế xanh và năng lượng tái tạo. Các quốc gia đẩy mạnh ký kết các hiệp định

đầu tư quốc tế kèm theo các cam kết bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài, dẫn tới phần lớn (khoảng 94%) các hiệp định đầu tư quốc tế có điều khoản về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư, chủ yếu là trọng tài quốc tế. Tính đến hết tháng 7/2025, trên thế giới đã có 1.440 vụ kiện đầu tư quốc tế, trong đó có 324 vụ kiện vẫn đang trong quá trình giải quyết. Phần lớn các quốc gia bị kiện là các quốc gia đang phát triển (Argentina, Venezuela, Ấn Độ...) nhưng cũng có những quốc gia phát triển (Hoa Kỳ, Canada, Tây Ban Nha...) trở thành bị đơn trong các tranh chấp đầu tư quốc tế. Cùng với xu thế đó, nhiều quốc gia theo đuổi các xu thế cải tổ cơ chế tranh chấp đầu tư quốc tế như loại bỏ hoặc thu hẹp phạm vi áp dụng, thay thế bằng cơ chế khác như tòa án quốc gia hoặc nhà nước; xây dựng tòa án đầu tư thường trực; hoặc cải thiện điều khoản tranh chấp đầu tư quốc tế hiện có để giới hạn phạm vi và điều kiện khởi kiện. Đặc biệt, các quốc gia thường xuyên phải đối mặt với rủi ro tranh chấp đầu tư quốc tế cũng chú trọng công tác phòng ngừa tranh chấp, phát triển đội ngũ nhân sự pháp lý trong nước, giúp phản ứng kịp thời đối với các tranh chấp và giảm lệ thuộc vào tư vấn quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các cam kết cao về bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với quá trình thu hút đầu tư nước ngoài, nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước Việt Nam ngày càng gia tăng, cả về số lượng, quy mô và mức độ phức tạp. Tính đến nay, Việt Nam đã ký kết 64 hiệp định khuyến khích, bảo hộ đầu tư song phương và các hiệp định khác có cam kết về bảo hộ đầu tư (gọi chung là “hiệp định đầu tư”). Hầu hết các hiệp định đầu tư này đều cho phép nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện Nhà nước, Chính phủ Việt Nam ra trọng tài quốc tế khi cho rằng Nhà nước, Chính phủ hoặc một cơ quan nhà nước (kể cả cơ quan tư pháp) vi phạm các cam kết về bảo hộ đầu tư trong các hiệp định đầu tư tương ứng. Từ 2003 đến nay, trên cơ sở các hiệp định đầu tư mà Việt Nam đã ký kết, nhà đầu tư nước ngoài đã chính thức khởi kiện hoặc đe dọa khởi kiện Nhà nước, Chính phủ Việt Nam hơn 30 vụ, trong đó khởi kiện chính thức hơn 20 vụ và hơn 10 vụ đã giải quyết xong. Các quyết định, hành vi của cơ quan nhà nước bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện, đe dọa khởi kiện chủ yếu liên quan đến hoạt động của cơ quan tổ tụng của cơ quan tư pháp, giao đất và thu hồi đất, thu hồi hoặc không gia hạn giấy chứng nhận đầu tư và các giấy phép khác, các biện pháp thuế hoặc các biện pháp hành chính khác.

Trong thời gian qua, công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Đảng, Chính phủ, sự tham gia phối hợp tương đối hiệu quả của các Bộ, ngành, địa phương, bước đầu

đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, các tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh mới tiếp tục gia tăng với giá trị tranh chấp ngày càng lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn về kinh tế, uy tín và môi trường đầu tư nếu thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan, cũng như yêu cầu phải đầu tư nhiều nguồn lực (chi phí pháp lý, nhân lực...) để giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế. Mặc dù Việt Nam đã có Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg), nhưng khuôn khổ thể chế, pháp luật và thực tiễn triển khai vẫn còn nhiều bất cập. Cụ thể là, từ khi Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg được ban hành, đã có nhiều vướng mắc, tranh chấp đầu tư quốc tế mới phát sinh, trong đó số lượng vụ việc đã được giải quyết xong còn thấp. Trong các tranh chấp quốc tế mới phát sinh, có những tranh chấp đặc biệt phức tạp về nội dung, giá trị nhà đầu tư nước ngoài yêu cầu Nhà nước bồi thường đặc biệt lớn. Cá biệt, có trường hợp nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện cùng lúc 02 vụ kiện đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế trên cơ sở hai hiệp định đầu tư quốc tế đối với cùng một quyết định, hành vi của cơ quan nhà nước. Qua tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg cho thấy:

(i) Cơ chế xác định cơ quan chủ trì, cơ chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế còn chưa đáp ứng được bối cảnh thực tiễn dẫn đến hiện nay (phạm vi điều chỉnh của khung pháp lý hiện tại chưa đảm bảo điều chỉnh hết các tranh chấp phát sinh), nhiều cơ quan, bộ, ngành, địa phương đang gặp khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Đồng thời, các tranh chấp đầu tư quốc tế có biện pháp bị kiện là biện pháp của cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) hiện gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan chủ trì do cơ quan toà án, viện kiểm sát không được quy định tại Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg. Mặc dù khoản 4 Điều 5 Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg cũng quy định: “trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế phức tạp có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ đối ngoại, an ninh hoặc quốc phòng, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì” nhưng việc Thủ tướng Chính phủ đề nghị cơ quan tư pháp có biện pháp bị kiện là Cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế gặp khó khăn trên thực tiễn do quy định này nằm trong văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trong khi đó, việc giao Cơ quan chủ trì là cơ quan thuộc Chính phủ đối với tranh chấp có biện pháp bị kiện của cơ quan tư pháp gặp nhiều khó khăn do không có chuyên môn, nghiệp vụ, thực tiễn liên quan, thiếu thông tin, tài liệu. Đây là một trong các vấn đề cấp thiết cần xử lý sớm ở một văn bản do Quốc hội ban hành.

(ii) Các quy định pháp luật liên quan đến phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế còn tản mạn, chưa cụ thể dẫn tới chưa số lượng các khiếu kiện của nhà

đầu tư nước ngoài được chấm dứt ngay từ giai đoạn thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài (giai đoạn trước khi nhà đầu tư khởi kiện chính thức tại cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế) còn hạn chế.

(iii) Chưa có các quy định cụ thể liên quan đến nguồn lực (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu...) đảm bảo cho công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế dẫn tới hiện tượng “chảy máu chất xám” trong đội ngũ cán bộ làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, không giữ chân được công chức có trình độ, chuyên môn sâu trong lĩnh vực phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

(iv) Chưa có khung pháp lý quy định về hòa giải trong quá trình tố tụng giải quyết tranh chấp, cụ thể là tiêu chí hòa giải, ngưỡng hòa giải, dẫn đến thời gian gần đây, các cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp (kể cả Bộ Tư pháp) gặp lúng túng, mất nhiều thời gian báo cáo lên các cấp có thẩm quyền (có những vụ kiện cần báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư), khó đáp ứng yêu cầu khẩn trương về quy trình/thủ tục tố tụng. Việc sớm ban hành Nghị quyết của Quốc hội với các quy định về hòa giải sẽ giúp nâng cao hiệu quả trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, tiết kiệm nguồn nhân lực cần thiết tập trung cho các vụ tranh chấp được giải quyết tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế.

Ngoài ra, việc thiếu các quy định về quy trình công bố thông tin, thi đua khen thưởng, miễn trách nhiệm với người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay để giải quyết các khó khăn, vướng mắc về: (i) phối hợp giữa các cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan ngoài Chính phủ như Tòa án, Viện kiểm sát, Kiểm toán; (ii) những quy định chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và (iii) cơ chế đặc thù cho nhân sự làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khác với quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Nghị quyết được xây dựng nhằm: Hoàn thiện các quy định về cơ chế phòng ngừa, cảnh báo và giải quyết sớm tranh chấp, tăng cường hiệu quả của việc giải quyết sớm tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải; hoàn thiện các quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, bao gồm nguyên tắc xác định cơ

quan chủ trì, vai trò của cơ quan đại diện pháp lý (trong đó có chức năng, địa vị pháp lý của Cơ quan đại diện pháp lý, địa vị pháp lý của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế), hoàn thiện quy định về cơ chế phối hợp liên ngành để đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính khẩn trương và hiệu quả trong phòng ngừa, giải quyết tranh chấp tại trọng tài quốc tế, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan liên quan; hoàn thiện quy định về chế độ chính sách cho cán bộ làm công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, điều kiện đảm bảo cho công việc, cơ chế tài chính cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết

Nghị Quyết được xây dựng trên cơ sở quan điểm chỉ đạo sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời và đồng bộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về thu hút đầu tư nước ngoài, hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh mới. Nghị Quyết bám sát các định hướng lớn của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 50-NQ/TW về hoàn thiện thể chế đầu tư nước ngoài, Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, cũng như các chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư, Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật đối với công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Thứ hai, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có quyết định, hành vi hoặc việc làm là nguyên nhân trực tiếp gây ra tranh chấp. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế đáp ứng yêu cầu chất lượng, hiệu quả, đúng thời hạn tố tụng, đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan.

Thứ ba, lấy phòng ngừa tranh chấp là trọng tâm, giải quyết tranh chấp là nhiệm vụ then chốt, bảo đảm xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế một cách chủ động, sớm, hiệu quả, hạn chế tối đa phát sinh các vụ kiện quốc tế, đặc biệt là các vụ việc có giá trị tranh chấp lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến uy tín quốc gia và môi trường đầu tư. Quan điểm xuyên suốt là tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tuân thủ pháp luật, thực hiện cam kết quốc tế về đầu tư, đồng thời giao Chính phủ thiết lập cơ chế đánh giá nguy cơ tranh chấp đầu tư quốc tế dựa trên rủi ro.

Thứ tư, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp

luật có liên quan, cũng như tương thích với các điều ước quốc tế về đầu tư mà Việt Nam là thành viên. Nghị Quyết không chỉ khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg, mà còn tạo lập khuôn khổ pháp lý ổn định, lâu dài cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng

Thứ năm, bảo đảm nguồn lực và cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp, coi con người là yếu tố trung tâm của công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Theo đó, cần có các quy định đột phá về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu, chế độ đãi ngộ, bảo vệ và khuyến khích cán bộ, công chức tham gia xử lý các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, nhằm từng bước nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức của Việt Nam, giảm dần sự phụ thuộc vào tư vấn nước ngoài và bảo vệ hiệu quả lợi ích quốc gia – dân tộc.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết số 20/2026/QH16 gồm 05 Chương, 21 Điều, quy định toàn diện về cơ chế phối hợp và chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Các quy định của Nghị quyết được thiết kế theo hướng lấy phòng ngừa là trọng tâm, giải quyết tranh chấp là nhiệm vụ quan trọng, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và xây dựng chính sách đặc thù đối với đội ngũ trực tiếp làm công tác này.

1. Quy định chung (Chương I)

Nghị quyết đã xác định rõ phạm vi điều chỉnh là quy định về cơ chế phối hợp và chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; đồng thời xác định đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác này. Đặc biệt, Nghị quyết quy định không áp dụng đối với hoạt động xét xử của cơ quan tài phán Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế theo điều ước quốc tế, qua đó bảo đảm nguyên tắc độc lập của hoạt động tư pháp.

Một điểm mới nổi bật là Nghị quyết đã giải thích đầy đủ các khái niệm cốt lõi như: tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý, biện pháp bị kiện, Tổ công tác liên ngành, Ban chỉ đạo liên ngành và đặc biệt là Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài. Việc chuẩn hóa các khái niệm này giúp thống nhất nhận thức và cách thức tổ chức thực hiện trong toàn bộ hệ thống cơ quan nhà nước, khắc phục tình trạng hiểu và áp dụng chưa thống nhất trước đây.

Bên cạnh đó, Nghị quyết xác lập các nguyên tắc cơ bản trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế; bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan; đồng thời gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức với việc đề xảy ra tranh chấp do quyết định hoặc hành vi quản lý nhà nước không phù hợp. Đây là bước chuyển quan trọng từ tư duy "xử lý khi tranh chấp đã phát sinh" sang tư duy "chủ động phòng ngừa ngay từ quá trình quản lý".

2. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế (Chương II)

Một trong những nội dung quan trọng nhất của Nghị quyết là xây dựng cơ chế phòng ngừa tranh chấp ngay từ giai đoạn đầu.

Theo đó, Nghị quyết quy định việc phối hợp ngay từ quá trình xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách, đàm phán, ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế về đầu tư. Đây là điểm mới thể hiện quan điểm phòng ngừa từ gốc, hạn chế việc ban hành các quy định hoặc thực hiện các cam kết có nguy cơ phát sinh tranh chấp sau này.

Đối với các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài, Nghị quyết yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền và đồng thời thông tin cho Cơ quan đại diện pháp lý để theo dõi, đánh giá nguy cơ phát sinh tranh chấp. Cơ chế này góp phần phát hiện sớm các vụ việc có khả năng chuyển thành tranh chấp quốc tế, từ đó chủ động có giải pháp xử lý phù hợp.

Đặc biệt, lần đầu tiên Nghị quyết quy định về Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài. Theo cơ chế này, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp, theo dõi, đánh giá các phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư; trường hợp nhận thấy nguy cơ phát sinh tranh chấp thì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và đề nghị Bộ Tư pháp đánh giá rủi ro, đề xuất giải pháp xử lý. Quy định này thể hiện rõ quan điểm chuyển từ bị động sang chủ động phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

Song song với đó, Nghị quyết cũng giao trách nhiệm cho Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, ngành và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về pháp luật đầu tư quốc tế và kỹ năng phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Đây là giải pháp lâu dài nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống.

3. Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Chương III)

Trước hết, Nghị quyết xác định rõ nguyên tắc xác định Cơ quan chủ trì. Theo đó, cơ quan trực tiếp ban hành hoặc đề xuất biện pháp bị kiện sẽ là cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc. Trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan hoặc liên quan đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng thì Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì. Quy định này đã khắc phục khoảng trống pháp lý trước đây trong việc xác định cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với những vụ việc phức tạp.

Nghị quyết tiếp tục khẳng định Bộ Tư pháp là Cơ quan đại diện pháp lý của Nhà nước Việt Nam trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Bộ Tư pháp có trách nhiệm hỗ trợ chuyên môn pháp lý, giới thiệu chuyên gia, luật sư, phối hợp với Cơ quan chủ trì trong suốt quá trình giải quyết vụ việc, qua đó bảo đảm sự thống nhất về quan điểm pháp lý của Nhà nước Việt Nam trước các cơ quan tài phán quốc tế.

Một điểm mới đáng chú ý khác là Nghị quyết trao cho Cơ quan chủ trì quyền chủ động xây dựng chiến lược giải quyết tranh chấp; lựa chọn luật sư theo cơ chế thị trường; điều phối các cơ quan liên quan; đồng thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo liên ngành đối với các vụ việc đặc biệt phức tạp, có ảnh hưởng đến đối ngoại, quốc phòng hoặc an ninh quốc gia. Quy định này giúp nâng cao tính chủ động, thống nhất và hiệu quả trong xử lý các vụ việc tranh chấp quốc tế có giá trị lớn.

Ngoài ra, Nghị quyết cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan phối hợp trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử người tham gia Tổ công tác liên ngành, bảo đảm thời hạn và chất lượng phối hợp; đồng thời quy định trách nhiệm của người đứng đầu nếu không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phối hợp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Một trong những điểm mới nổi bật của Nghị quyết số 20/2026/QH16 là lần đầu tiên quy định tương đối đầy đủ về cơ chế hòa giải trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy xây dựng pháp luật, phù hợp với xu hướng chung của nhiều quốc gia và thông lệ quốc tế hiện nay là ưu tiên giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, hạn chế tối đa việc đưa vụ việc ra cơ quan tài phán quốc tế.

Theo Nghị quyết, việc hòa giải không chỉ được thực hiện khi tranh chấp đã phát sinh mà còn được xem xét ngay trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến

ngiht, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài nếu nhận thấy có nguy cơ phát sinh tranh chấp quốc tế. Điều này thể hiện rõ quan điểm lấy phòng ngừa từ sớm, từ xa làm trọng tâm, giải quyết ngay từ giai đoạn đầu để tránh phát sinh các vụ kiện quốc tế kéo dài, phức tạp và tốn kém.

Để bảo đảm tính chặt chẽ, Nghị quyết quy định việc xây dựng phương án hòa giải phải được nghiên cứu, đánh giá toàn diện, trên cơ sở diễn biến cụ thể của từng vụ việc và phải được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Cơ chế này vừa bảo đảm tính chủ động trong xử lý tranh chấp, vừa bảo đảm sự kiểm soát thống nhất của Nhà nước đối với các vụ việc có ảnh hưởng lớn đến lợi ích quốc gia.

Nghị quyết cũng cho phép cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị hoặc Cơ quan chủ trì được thuê tư vấn độc lập để xây dựng phương án hòa giải khi cần thiết. Đây là quy định mới, tạo điều kiện tiếp cận kinh nghiệm quốc tế, nâng cao chất lượng phương án xử lý, đặc biệt đối với các tranh chấp có yếu tố pháp lý và kỹ thuật phức tạp.

Đáng chú ý, Nghị quyết quy định nội dung thỏa thuận hòa giải phải bao gồm việc nhà đầu tư nước ngoài từ bỏ toàn bộ quyền khởi kiện phát sinh từ vụ việc được hòa giải. Quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp chấm dứt triệt để nguy cơ phát sinh tranh chấp tiếp theo, bảo đảm tính ổn định và hiệu lực của kết quả hòa giải.

Nghị quyết quy định cơ chế loại trừ, miễn trách nhiệm đối với người tham gia xây dựng và thực hiện phương án hòa giải khi đã thực hiện đúng quy trình, căn cứ trên ý kiến tư vấn độc lập và phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy định này góp phần tháo gỡ tâm lý e ngại, sợ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình xử lý các vụ việc có tính chất đặc biệt phức tạp, đồng thời khuyến khích cán bộ mạnh dạn đề xuất các giải pháp xử lý linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

5. Chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Chương IV)

Bên cạnh việc hoàn thiện cơ chế phối hợp, Nghị quyết dành riêng Chương IV để quy định các chính sách đặc thù, thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

5.1. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Nghị quyết quy định rõ nguồn kinh phí phục vụ công tác phòng ngừa và

giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác; đồng thời phân định rõ trách nhiệm bảo đảm kinh phí giữa ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các tổ chức được Nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Việc quy định rõ cơ chế bảo đảm kinh phí đã khắc phục tình trạng lúng túng trong bố trí nguồn lực cho các vụ việc tranh chấp quốc tế trước đây, tạo điều kiện để các cơ quan chủ trì chủ động triển khai các hoạt động thuê luật sư, chuyên gia, phiên dịch, thu thập chứng cứ, mua cơ sở dữ liệu và các hoạt động nghiệp vụ khác phục vụ bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam.

Đặc biệt, Nghị quyết cho phép Cơ quan chủ trì và Bộ Tư pháp được mua sắm trực tiếp các cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và nước ngoài phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Đây là quy định có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo và xây dựng chiến lược giải quyết tranh chấp trong bối cảnh các vụ việc ngày càng phức tạp và có yếu tố quốc tế sâu rộng.

5.2. Chính sách đối với đội ngũ trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Một điểm nổi bật khác của Nghị quyết là thiết lập hệ thống chính sách ưu đãi tương đối toàn diện đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Theo đó, người làm việc tại Cơ quan đại diện pháp lý được ưu tiên đầu tư trang thiết bị, được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước và quốc tế, được xem xét rút ngắn thời gian nâng bậc lương trước thời hạn nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đối với cán bộ có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các bộ, ngành và địa phương, ngoài tiền lương và phụ cấp theo quy định chung còn được hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp). Đối với người trực tiếp tham gia giải quyết từng vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, mức hỗ trợ có thể lên tới 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng, tùy theo thời gian trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc.

Đây là chính sách đặc thù chưa từng được quy định trong các văn bản trước đây, phản ánh yêu cầu cấp thiết phải xây dựng đội ngũ chuyên gia pháp lý có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng tham gia bảo vệ lợi ích của Nhà nước Việt Nam tại các cơ quan tài phán quốc tế.

Bên cạnh chế độ hỗ trợ về thu nhập, Nghị quyết còn quy định các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện làm việc, tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu và cơ chế nâng lương trước thời hạn, qua đó từng bước hình thành đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có năng lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

6. Quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Nghị quyết quy định rõ trách nhiệm của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thi hành Nghị quyết; đồng thời giao Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế nhằm từng bước chuyên nghiệp hóa công tác này.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026. Đáng chú ý, Nghị quyết còn quy định điều khoản chuyển tiếp theo hướng cho phép áp dụng các quy định mới đối với các tranh chấp đầu tư quốc tế đã phát sinh nhưng chưa có phán quyết chung thẩm của cơ quan tài phán. Quy định này bảo đảm tính liên tục của quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước sớm áp dụng các cơ chế mới, hiệu quả hơn trong thực tiễn.

7. Những điểm mới nổi bật của Nghị quyết số 20/2026/QH16

So với Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg, Nghị quyết số 20/2026/QH16 có nhiều điểm đổi mới quan trọng:

Thứ nhất, lần đầu tiên quy định bằng Nghị quyết của Quốc hội, tạo cơ sở pháp lý có giá trị cao hơn cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Thứ hai, thiết lập Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài, giúp phát hiện sớm và xử lý nguy cơ tranh chấp ngay từ giai đoạn đầu.

Thứ ba, quy định rõ nguyên tắc xác định Cơ quan chủ trì và khẳng định Bộ Tư pháp là Cơ quan đại diện pháp lý của Nhà nước Việt Nam trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Thứ tư, lần đầu tiên xây dựng cơ chế hòa giải tương đối đầy đủ, coi hòa giải là giải pháp ưu tiên nhằm giảm thiểu chi phí, thời gian và rủi ro pháp lý.

Thứ năm, thiết lập hệ thống chính sách đặc thù về ngân sách, cơ sở dữ liệu, đào tạo, tiền lương, phụ cấp và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Những quy định mới này góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nâng cao

hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường năng lực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời củng cố niềm tin của cộng đồng nhà đầu tư, góp phần xây dựng môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và bền vững./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (ĐXDũng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG